quốc gia, môi sinh, môi trường... Bộ Thương mại và Du lịch chỉ cấp giấy phép xuất, nhập khẩu khi có ý kiến của cơ quan quản lý Nhà nước hữu quan.

Điều 19. - Bộ Thương mại và Du lịch, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước, Tổng cục Hải quan theo chức năng của mình quy định và hướng dẫn việc ký kết và thực hiện hợp đồng mua bán ngoại thương; cấp giấy phép xuất nhập khẩu; kiểm tra khả năng tài chính và thanh toán; thu thuế xuất khẩu, nhập khẩu; thủ tục hải quan, v.v...

Điều 20. - Không cho phép dùng phương thức trả chậm để nhập khẩu hàng tiêu dùng.

Điều 21. - Đối với một số mặt hàng quan trọng hoặc có kim ngạch lớn, Bộ Thương mại và Du lịch quy định mức giá hoặc phương pháp định giá tối thiểu đối với hàng xuất khẩu, giá tối đa đối với hàng nhập khẩu trong từng thời gian. Bộ Thương mại và Du lịch trao đổi thống nhất ý kiến với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và các Bộ, lập và công bố danh mục các mặt hàng này.

Điều 22. - Các hàng hóa và dịch vụ nhập khẩu thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này, khi xuất khẩu, nhập khẩu đều phải có giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu của Bộ Thương mại và Du lịch.

Bộ Thương mại và Du lịch quy định thủ tục và tổ chức việc cấp giấy phép xuất nhập khẩu.

Điều 23. - Bộ Thương mại và Du lịch, sau khi bàn với các Bộ hữu quan, ban hành và hướng dẫn thực hiện các quy chế về tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại quốc tế ở trong nước và ngoài nước, về các cửa hàng giới thiệu hàng và đại lý bán hàng.

Điều 24.- Bộ Thương mại và Du lịch ban hành quy chế giám định hàng hóa xuất nhập khẩu.

Điều 25.- Bộ Thương mại và Du lịch chủ trì cùng các Bộ, Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương định kỳ rà soát các doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu, thu hồi giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu của những doanh nghiệp không đủ điều kiện kinh doanh hoặc vi phạm luật pháp trong kinh doanh xuất nhập khẩu.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26.- Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký và thay thế Nghị định số 64-HĐBT ngày 10 tháng 6 năm 1989, Quyết định số 96-HĐBT ngày 5 tháng 4 năm 1991, Chỉ thị số 131-CT ngày 3 tháng 5 năm 1990 và các quy định khác trước đây trái Nghị định này đều bị bãi bỏ.

Điều 27.- Mọi hành vi vi phạm của các quy định tại Nghị định này đều bị xử lý theo pháp luật.

Điều 28.- Bộ trưởng Bộ Thương mại và Du lịch chủ trì cùng Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Điều 29.- Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm các Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộcTrung ương và các pháp nhân và thể nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Hội đồng Bộ Trưởng
K.T Chủ Tịch
Phó Chủ tịch
PHAN VĂN KHẢI

QUYẾT ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 125-HĐBT ngày 14-4-1992 về đặt Tổng Công ty Dầu mỏ và khí đốt Việt Nam trực thuộc Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Để quản lý, chỉ đạo công tác dầu khí tập trung, có hiệu lực nhằm đẩy nhanh việc xây dựng ngành dầu khí thành ngành kinh tế - kỹ thuật phát triển,

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Nay chuyển Tổng Công ty Dầu mỏ và khí đốt Việt Nam, hiện trực thuộc Bộ Công nghiệp nặng về trực thuộc Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

Tổng Công ty Dầu mỏ và khí đốt Việt Nam chịu sự quản lý và chỉ đạo toàn diện, trực tiếp của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng; đồng thời chịu sự quản lý Nhà nước của các Bộ, Ủy ban Nhà nước về các vấn đề thuộc chức năng của Bộ, Ủy ban Nhà nước.

Điều 2.- Nhiệm vụ, quyền hạn, bộ máy và các mối quan hệ công tác của Tổng Công ty Dầu mỏ và khí đốt Việt Nam được tiếp tục thực hiện theo quyết định số 250-HĐBT ngày 6 tháng 7 năm 1990 của Hội đồng Bộ trưởng, trừ những vấn đề trước đây thuộc Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng giải quyết nay do Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng giải quyết.

Điều 3.- Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng có trách nhiệm tổ chức việc chuyển giao theo quy định ở điều 1, điều 2 trên đây. Việc chuyển giao phải hoàn thành trước ngày 1 tháng 5 năm 1992.

Điều 4.- Chủ nhiệm Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Dầu mỏ và khí đốt Việt Nam, các Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
Chủ tịch
VÕ VĂN KIỆT

QUYẾT ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 130-HĐBT ngày 18-4-1992 về việc thành lập thị xã Điện Biên Phủ thuộc tỉnh Lai Châu và di chuyển địa điểm tỉnh lỵ Lai Châu về thị xã Điện Biên Phủ.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Quyết định số 64B-HĐBT ngày 12 tháng 9 năm 1981 của Hội đồng Bộ trưởng;

Xét đề nghị của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lai Châu và Ban Tổ chức - cán bộ của Chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Nay thành lập thị xã Điện Biên Phủ thuộc tỉnh Lai Châu trên cơ sở thị trấn Điện Biên và xã Thanh Minh (thuộc huyện Điện Biên) để di chuyển địa điểm tỉnh lỵ từ thị xã Lai Châu về thị xã Điện Biên Phủ.

Sau khi phân vạch và điều chỉnh địa giới:

- Thị xã Điện Biên Phủ có 6335,5 ha diện tích tự nhiên và 25.000 nhân khẩu.

Địa giới thị xã Điện Biên Phủ: Phía đông giáp các xã Mường Phăng, Pù Nhi; phía tây giáp các xã Thanh Luông, Thanh Nưa; phía nam giáp xã Thanh Xương; phía Bắc giáp xã Nà Tấu (thuộc huyện Điện Biên).

- Huyện Điện Biên còn 307.573,5 ha diện tích tự nhiên và 110.183 nhân khẩu, bao gồm 30 xã, thị trấn là các xã: Mường Lói, Thanh Nưa, Na Ủ, Mường Pồn, Thanh Xương, Na Son, Nà Tấu, Chiềng Sơ, Phình Giàng, Xa Dung, Háng Lìa, Sam Mứn, Mường Nhà, Keo Lôm, Thanh Yên, Noong Luống, Núa Ngam, Luân Giới, Phì Nhừ, Mường Mơn, Pa Thơm, Pù Nhi, Mường Phăng, Mường Luân, Noong Hẹt, Thanh An, Thanh Chăn, Thanh Luông, Thanh Hưng và thị trấn Nông trường Điện Biên.

Điều 2.- Ủy ban Nhân dân tỉnh Lai Châu và Ban Tổ chức - cán bộ của Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
Chủ tịch
VÕ VĂN KIỆT

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com